

TÒA ÁN NHÂN DÂN

TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 75/2020/DS-PT

Ngày 27-4-2020

V/v Yêu cầu tuyên bố văn bản công
chứng vô hiệu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thuần

Các Thẩm phán: Ông Trần Anh Tuấn, ông Y Phi Kbuôr

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Nguyên –Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Xuân Linh Byă - Kiểm sát viên.

Ngày 27/4/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 08/2020/TBTL-TA, ngày 02 tháng 01 năm 2020 về việc “Yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 47/2019/DS – ST, ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2020/QĐ – PT, ngày 02/3/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2020/QĐ-PT, ngày 30/3/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà HP và ông YD; địa chỉ: Buôn Dh, xã CN, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đỗ Anh T; địa chỉ: Số 06, buôn Đ, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Văn phòng Công chứng B; địa chỉ: Số 07A L, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Cao Sỹ H – Trưởng Văn phòng; địa chỉ: Số 07A L, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk – có đơn từ chối tham gia tố tụng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông YW và bà HN; địa chỉ: Buôn K, xã ED, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

2. Bà HM; địa chỉ: Buôn Sing B2, xã ED, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà HH, sinh năm 1997; trú tại: Xóm A2, xã P, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền ngày 24/4/2020) – có mặt.

3. Ngân hàng Thương mại cổ phần ĐA - Chi nhánh Đắk Lắk, Phòng Giao dịch

B. Địa chỉ: Số 510 HV, phường B1, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện: Ông Đoàn Thanh N – Nhân viên phát triển kinh doanh, Phòng Giao dịch B - có mặt.

* Người kháng cáo: Nguyên đơn ông YD – có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 22/8/2017, vợ chồng ông YD và bà HP khởi kiện ông YW và bà HY tại Tòa án với nội dung yêu cầu ông YW và bà HY phải liên đới trả cho vợ chồng ông YD 1.000.000.000 đồng (một tỉ đồng) nợ gốc và lãi suất theo quy định pháp luật. Ngày 02/10/2017, Tòa án nhân dân thị xã B thụ lý giải quyết vụ án nêu trên. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST, ngày 15/5/2018 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông YD và bà HP: Buộc ông YW, bà HY phải có trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng ông YD, bà HP số tiền gốc là 1.000.000.000 đồng (một tỉ đồng) và lãi suất 133.907.000 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi phải trả là 1.133.907.000 đồng. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông YD và bà HP đã làm đơn yêu cầu thi hành án và phát hiện ngày 16/10/2017, ông YW, bà HN đã ký hợp đồng chuyển nhượng 05 lô đất có đặc điểm cụ thể ghi trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng: 008206, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/10/2017 do Công chứng viên Cao Sỹ H chứng nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được chuyển giao cho bà HM để tẩu tán tài sản.

Như vậy, theo quy định của pháp luật thì ông YW, bà HY phải có trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng ông YD, bà HP số tiền gốc là 1.000.000.000 đồng (Một tỉ đồng) và lãi suất 133.907.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 1.133.907.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án thì vợ chồng ông YW, bà HN lại chuyển nhượng hết 05 lô đất theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng: 008206, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 16/10/2017 là đã có dấu hiệu tẩu tán tài sản, trái đạo đức xã hội để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng ông YD và bà HP.

Vì vậy, vợ chồng ông YD và bà HP yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 008206, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 16/10/2017 của Văn phòng Công chứng B là vô hiệu.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà HM trình bày:

Vào ngày 08/10/2017, bà HM có nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông YW, bà HN 05 thửa đất tại xã ED, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, cụ thể:

Lô đất thứ nhất: Thửa đất số 441, tờ bản đồ số 38, diện tích 1.339m², theo GCNQSDĐ số CG 050757, do UBND thị xã B cấp ngày 30/12/2016 mang tên ông YW, bà HN.

Lô đất thứ hai: Thửa đất số 33, tờ bản đồ số 43, diện tích 8.111,7m², theo GCNQSDĐ số CG 050758, do UBND thị xã B cấp ngày 30/12/2016 mang tên ông YW, bà HN.

Lô đất thứ ba: Thửa đất số 397, tờ bản đồ số 31, diện tích 6.103m², theo GCNQSDĐ số CG 202449, do UBND thị xã B cấp ngày 24/01/2017 mang tên ông YW, bà HN.

Lô đất thứ tư: Thửa đất số 114, tờ bản đồ số 28, diện tích 7.239,4m², theo GCNQSDĐ BQ 677460, do UBND thị xã B cấp ngày 14/8/2013 mang tên ông YW, bà HN.

Lô đất thứ năm: Thửa đất số 356, tờ bản đồ số 36, diện tích 2.896,2m², theo GCNQSDĐ số BT 114547, do UBND thị xã B cấp ngày 08/9/2014 mang tên ông YW, bà HN.

Giá chuyển nhượng 05 lô đất nói trên là 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng).

Ngày 16/10/2017, bà HM và vợ chồng ông YW, bà H ‘Nữ Niê. Đến Văn phòng Công chứng B để lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên. Hợp đồng được Văn phòng Công chứng B công chứng cùng ngày. Đối với số tiền 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng) nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên, bà HM đã thanh toán đầy đủ cho vợ chồng ông YW, bà HN.

Ngày 20/10/2017, bà HM được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp GCNQSDĐ đối với 05 lô đất nói trên theo các GCNQSDĐ: CL 156100, CL 156097, CL 156096, CL 156098, CL 156099. Hiện nay, bà HM đã thế chấp 05 GCNQSDĐ này tại Ngân hàng Thương mại cổ phần ĐA – Phòng Giao dịch B để vay số tiền 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng).

Nay bà HP và ông YD khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 008206, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 16/10/2017 của Văn phòng Công chứng B giữa ông YW và bà HN cho bà HM vô hiệu là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người đại diện của Ngân hàng Thương mại cổ phần ĐA - Chi nhánh Đắk Lắk, Phòng Giao dịch B trình bày:

Ngày 06/11/2018, bà HM ký hợp đồng tín dụng số N0445/118 với Ngân hàng Thương mại cổ phần ĐA - Chi nhánh Đắk Lắk, Phòng Giao dịch B để vay số tiền 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng), lãi suất 10%/năm trong 12 tháng đầu tiên sau khi giao kết hợp đồng. Để đảm bảo cho khoản vay trên, bà HM đã thế chấp 05 GCNQSDĐ theo hợp đồng thế chấp số N12603, ngày 03/11/2017, cụ thể:

- Thửa đất số 441, tờ bản đồ số 38, diện tích 1.339m², theo GCNQSDĐ số CL 156100, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 20/10/2017 cho bà HM.

- Thửa đất số 33, tờ bản đồ số 43, diện tích 8.111,7m², theo GCNQSDĐ số CL 156097, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 20/10/2017 cho bà HM.

- Thửa đất số 397, tờ bản đồ số 31, diện tích 6.103m², theo GCNQSDĐ số CL 156096, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 20/10/2017 cho bà HM.

- Thửa đất số 114, tờ bản đồ số 28, diện tích 7.239,4m², theo GCNQSDĐ số CL 156098, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 20/10/2017 cho bà HM.

- Thửa đất số 356, tờ bản đồ số 36, diện tích 2.896,2m², theo GCNQSDĐ số CL 156099, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 20/10/2017 cho bà HM.

Nay Ngân hàng TMCP ĐA yêu cầu Tòa án buộc bà HM trả cho Ngân hàng số tiền (Tạm tính đến ngày 19/11/2019) là 755.739.726 đồng, trong đó nợ gốc là 700.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 52.000.000 đồng, lãi quá hạn là 3.739.726 đồng và lãi suất kể từ ngày 20/11/2019 cho đến khi bà HM thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký. Trường hợp bà HM không trả hoặc trả không hết nợ thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp của bà HM để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

**** Tại bản án dân sự sơ thẩm số 47/2019/DS-ST, ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:***

Căn cứ khoản 11 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 40; Điều 41; Điều 42; Điều 46 Luật Công chứng;

Căn cứ Điều 117; Điều 118; Điều 119; Điều 317; Điều 318; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông YD và bà HP, về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 008206 quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 16/10/2017 do Công chứng viên Cao Sỹ H chứng nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được chuyển giao giữa ông YW và bà HN cho bà HM là vô hiệu.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập Ngân hàng TMCP ĐA: Buộc bà HM trả cho Ngân hàng TMCP ĐA số tiền (Tạm tính đến ngày 19/11/2019) là 755.739.726 đồng, trong đó nợ gốc là 700.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 52.000.000 đồng, lãi quá hạn là 3.739.726

đồng và lãi suất kể từ ngày 20/11/2019 cho đến khi bà HM thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký.

Trường hợp bà HM không trả hoặc trả không hết nợ thì Ngân hàng TMCP ĐA có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của bà HM để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp số N12603, ngày 03/11/2017 và văn bản cam kết ngày 06/11/2018.

3. Về án phí: Nguyên đơn vợ chồng ông YD và bà HP phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0011410, ngày 18/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B.

Bà HM phải chịu 34.229.000 đồng (Ba mươi bốn triệu hai trăm hai mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP ĐA 16.579.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2019/0000160, ngày 19/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B.

4. Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Vợ chồng ông YD và bà HP phải chịu 6.300.000 đồng. Hoàn trả cho ông YD, bà HP số tiền tạm ứng còn lại (Đã chi trả xong).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/11/2019, nguyên đơn ông YD kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Đề nghị Tòa án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 008206 ngày 16/10/2017 giữa ông YW, bà HN với bà HM vô hiệu.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông YD giữ nguyên nội dung kháng cáo và nội dung khởi kiện.

Các đương sự khác giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của ông YD; căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự - Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2019/DSST, ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông YD làm trong hạn luật định, nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật nên Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý, xét xử theo thủ tục phúc thẩm là đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Văn phòng Công chứng B mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa, đồng thời quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Văn phòng Công chứng B đã có đơn từ chối tham gia tố tụng; người kháng cáo ông YD và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đỗ Anh Tổng có đơn xin xét xử vắng mặt; các đương sự khác mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt tại phiên tòa phúc thẩm. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông YD và bà HP, Hội đồng xét xử xét thấy, ngày 16/10/2017, ông YW và bà HN lập hợp đồng chuyển nhượng 05 quyền sử dụng đất cho bà HM, cụ thể:

- Thửa đất số 441, tờ bản đồ số 38, diện tích 1.339m², theo GCNQSDĐ số CG 050757, do UBND thị xã B cấp ngày 30/12/2016 mang tên ông YW, bà HN.

- Thửa đất số 33, tờ bản đồ số 43, diện tích 8.111,7m², theo GCNQSDĐ số CG 050758, do UBND thị xã B cấp ngày 30/12/2016 mang tên ông YW, bà HN.

- Thửa đất số 397, tờ bản đồ số 31, diện tích 6.103m², theo GCNQSDĐ số CG 202449, do UBND thị xã B cấp ngày 24/01/2017 mang tên ông YW, bà HN.

- Thửa đất số 114, tờ bản đồ số 28, diện tích 7.239,4m², theo GCNQSDĐ BQ 677460, do UBND thị xã B cấp ngày 14/8/2013 mang tên ông YW, bà HN.

- Thửa đất số 356, tờ bản đồ số 36, diện tích 2.896,2m², theo GCNQSDĐ số BT 114547, do UBND thị xã B cấp ngày 08/9/2014 mang tên ông YW, bà HN.

Tại thời điểm ngày 16/10/2017, việc chuyển nhượng 05 quyền sử dụng đất trên giữa ông YW, bà HN cho bà HM là đúng quy định pháp luật bởi lẽ: 05 thửa đất mà các bên giao dịch đều có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất không có tranh chấp, hợp đồng chuyển nhượng giữa các bên đã được lập thành văn bản và công chứng thông qua tổ chức có thẩm quyền là Văn phòng Công chứng B, các bên thực hiện giao dịch hoàn toàn tự nguyện, tại thời điểm giao dịch những tài sản trên không là tài sản bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ nào của ông YW và bà HN. Vì vậy, Văn phòng Công chứng B công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên là đúng quy định pháp luật; nguyên đơn đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng 05 quyền sử dụng đất trên do Văn phòng Công chứng B công chứng là vô hiệu do nhằm tẩu tán tài sản, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ của ông YW và bà HN là không có căn cứ.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông YD, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 47/2019/DS-ST, ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo ông YD phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[1] Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông YD - Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 47/2019/DS-ST, ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ khoản 11 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 40; Điều 41; Điều 42; Điều 46 Luật Công chứng;

Căn cứ Điều 117; Điều 118; Điều 119; Điều 317; Điều 318; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông YD và bà HP, về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 008206 quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/10/2017 do Công chứng viên Cao Sỹ H chứng nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được chuyển giao giữa ông YW và bà HN cho bà HM là vô hiệu.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập Ngân hàng TMCP ĐA: Buộc bà HM trả cho Ngân hàng TMCP ĐA số tiền (Tạm tính đến ngày 19/11/2019) là 755.739.726 đồng, trong đó nợ gốc là 700.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 52.000.000 đồng, lãi quá hạn là 3.739.726 đồng và lãi suất kể từ ngày 20/11/2019 cho đến khi bà HM thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký.

Trường hợp bà HM không trả hoặc trả không hết nợ thì Ngân hàng TMCP ĐA có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của bà HM để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp số N12603, ngày 03/11/2017 và văn bản cam kết ngày 06/11/2018.

[2] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn vợ chồng ông YD và bà HP phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0011410, ngày 18/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B.

Bà HM phải chịu 34.229.000 đồng (Ba mươi bốn triệu hai trăm hai mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP ĐA 16.579.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2019/0000160, ngày 19/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông YD phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2019/0004676, ngày 05/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Vợ chồng ông YD và bà HP phải chịu 6.300.000 đồng. Hoàn trả cho ông YD, bà HP số tiền tạm ứng còn lại (Đã chi trả xong).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Đương sự;
- Công thông tin điện tử TA;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Duy Thuần